

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN HẢI  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST  
Ngày: 21 - 6 - 2022.  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Nghi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Đình Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải:** Không tham gia.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam (Gọi tắt là Ngân hàng Agribank).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc nn và ptnt Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18 THD, khu đô thị mới MĐ, phường MĐ, quận T L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam – Chi nhánh huyện KH.

(Văn bản ủy quyền số 88/QĐ-NHNN.KH ngày 27/01/2022).

2. Bị đơn: Ông Lưu Thành Đ, sinh năm 1981, bà Lê Thị N, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AP, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/12/2021 nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam trình bày:

Ngày 18/01/2019 tại Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam – Chi nhánh huyện KH, vợ chồng ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201900070 để vay số tiền 400.000.000 đồng trong kỳ hạn 60 tháng, lãi suất 11%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là sửa nhà ở, sửa tàu và mua ngư lưới cụ. Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán ông Đ, bà N có ký hợp đồng thế chấp số 7708LOL201800037 ngày 12/01/2018 để thế chấp cho ngân hàng 03 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số KG-95662-TS, KG-92122-TS và KG-60113-TS được Chi cục Ts thuộc Sở Nn và Ptnt tỉnh Kiên Giang cấp lần lượt ngày 18/12/2017, 14/12/2017 và 20/12/2016 đều đứng tên Lưu Thành Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N đã trả cho ngân hàng được 120.000.000 đồng nợ gốc, sau đó thì ngưng không tiếp tục thanh toán. Vì vậy sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng không có kết quả ngân hàng đã khởi kiện ông Đ, bà N đến Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải yêu cầu giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N phải thanh toán ngay số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 339.887.631 đồng (Trong đó gốc là 280.000.000 đồng, lãi là 59.887.631 đồng).

Đồng thời đề nghị tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 7708LCL201800037 ngày 12/01/2018 của ông Đ, bà N thế chấp cho Ngân hàng 03 tàu cá số KG-95662-TS, KG-92122-TS và KG-60113-TS để đảm bảo thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và Tòa án đã hoãn phiên tòa xét xử vụ án một lần vì lý do bị đơn vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam yêu cầu bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N thanh toán số tiền nợ vay là 339.887.631 đồng (Trong đó gốc là 280.000.000 đồng, lãi là 59.887.631 đồng) là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201900070 ngày 18/01/2019 vay của Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam số tiền 400.000.000 đồng trong kỳ hạn 60 tháng. Tại Điều 4 hợp đồng và phụ lục kèm theo có ghi: trả gốc 01 lần ngày 12/01/2024, trả lãi 03 tháng 01 lần vào ngày 30 hàng tháng nhưng đến nay ông Đ, bà N chưa trả đủ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng theo thời hạn nêu trên là vi phạm hợp đồng nên ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ vay gốc, lãi còn lại cho nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam.

Mặt khác, theo Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”*

*“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Như vậy, có đủ căn cứ để buộc bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 339.887.631 đồng (Trong đó gốc là 280.000.000 đồng, lãi là 59.887.631 đồng).

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 7708LCL201800037 ngày 12/01/2018 giữa Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam với ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N được ký kết là đúng thủ tục theo quy định nên căn cứ Điều 319 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực. Ông Đ, bà N đã dùng 03 tàu cá số KG-95662-TS, KG-92122-TS và KG-60113-TS do ông Lưu Thành Đ đứng tên để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng nên căn cứ Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp này để đảm bảo quá trình thi hành án cho nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam.

- Buộc vợ chồng ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/6/2022 là 339.887.631 đồng (*Ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*), trong đó gốc là 280.000.000 đồng, lãi là 59.887.631 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/6/2022 ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

- Khi ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, bà N 03 tàu cá số hiệu KG-95662-TS, KG-92122-TS và KG-60113-TS đứng tên ông Lưu Thành Đ.

- Trường hợp ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là 03 tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số KG-95662-TS, KG-92122-TS và KG-60113-TS được Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nn và Ptnt tỉnh Kiên Giang cấp lần lượt ngày 18/12/2017, 14/12/2017 và 20/12/2016 đều đứng tên ông Lưu Thành Đ sẽ được tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Lưu Thành Đ, bà Lê Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 16.994.381 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi một đồng*).

- Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng nn và ptnt Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 7.937.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006939 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Nghi**